

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/DS-ST

Ngày: 06-8-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần;

Ông Thạch Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023; về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2024 và thông báo dời lịch phiên tòa số 13/TB-TA ngày 17/7/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Chị Phan Thị Kiều O, sinh năm 1992 theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2023 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Trương Sồn H, sinh năm 1971(có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27-9-2023 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Năm 2023, do quen biết bà có cho bà Trương Sỡn H vay tiền cụ thể như sau: Vào ngày 10-7-2023 bà có cho bà L vay số tiền là 177.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng và bà H có ký tên, lặn tay để nhận tiền. Hai bên thoả thuận lãi suất là 0,3% /tháng, thời gian vay là 01 tháng, thì bà H sẽ trả lại cho bà số tiền vay vốn gốc và lãi. Đến hạn bà H không có trả vốn và lãi cho bà. Bà có đòi nhiều lần nhưng bà H không chịu trả mà cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC xem xét giải quyết buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay vốn gốc là 177.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,3%/tháng tính từ ngày 10/7/2023 đến khi nào Toà án giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trương Sỡn H trình bày và yêu cầu như sau:

Bà chỉ vay của bà Ngô Thị L số tiền 10.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm vay, mục đích vay tiền để trả nợ những người khác. Khi vay bà có viết biên nhận cho bà L cất giữ. Bà không có thỏa thuận thời hạn trả nhưng có thỏa thuận đóng lãi 05 ngày 01 lần (10.000.000 đồng lãi mỗi ngày là 500.000 đồng), mỗi lần bà đóng lãi cho bà L là 2.500.000 đồng nhưng bà không nhớ đóng bao nhiêu tiền, bao nhiêu lần. Có lần sau đó bà vay thêm của bà L 5.000.000 đồng nữa. Tổng cộng 15.000.000 đồng, bà vẫn đóng lãi như thỏa thuận trên. Sau một thời gian dài, bà không có khả năng đóng lãi và trả vốn gốc nên bà L yêu cầu bà lập biên nhận nợ bà L 115.000.000 đồng. Bà có ký tên và lặn tay ghi có nhận đủ tiền của bà L tại quán nước ở ấp Ô, xã H, huyện T nhưng thực chất bà không có nhận số tiền 115.000.000 đồng. Còn số tiền bà L cho rằng bà vay 177.000.000 đồng là không đúng sự thật. Bà đã đóng lãi cho bà L nhiều và chỉ vay số tiền 15.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho bà L 15.000.000 vốn gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi mà thôi. Bà không đồng ý trả bà L 178.593.000 đồng và tiền lãi như bà L yêu cầu.

- Những vấn đề đã thống nhất:

Không có.

- Những vấn đề chưa thống nhất:

Bà Ngô Thị L yêu cầu bà Trương Sỡn H phải trả cho bà là 177.000.000 đồng vốn gốc và lãi 1.593.000 đồng. Tổng hai khoản là 178.593.000 đồng (Một

trăm bảy mươi tám triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) và tiếp tục trả lãi từ ngày 11/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,3%/ tháng. Bà Trương Sỡn H không đồng ý trả cho bà L số tiền bà L yêu cầu, chỉ đồng ý trả 15.000.000 đồng vốn gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi cho bà L.

Bà H cho rằng bị ép buộc ký tên vào biên nhận và có đóng lãi cho bà L. Bà L cho rằng bà H tự nguyện ký tên biên nhận và không có đóng lãi cho bà L khoản tiền nào.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 161 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 468 và 469 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L. Buộc bà Trương Sỡn H trả cho bà Ngô Thị L số tiền vay vốn gốc là 177.000.000 đồng và lãi từ ngày 10-7-2023 đến nay với lãi suất 03%/ tháng. Buộc bà Trương Sỡn H chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngô Thị L khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay”. Đồng thời bị đơn bà Trương Sỡn H cư trú tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị Phan Thị Kiều O.

- Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Ngô Thị L yêu cầu bà Trương Sỡn H trả tiền vay vốn gốc là 177.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10-7-2023 đến nay với lãi suất 03%/ tháng.

Bà Trương Sỡn H chỉ đồng ý trả cho bà Ngô Thị L 15.000.000 đồng vốn gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi.

Bà L nộp cho Tòa án nhân dân huyện TC 01 biên nhận ngày 10-7-2023 với số tiền 177.000.000 đồng, lãi suất trong biên nhận là 0,3 %/ tháng. Mục đích bà L cho bà H vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Tại phiên hòa giải bà Trương Sỡn H không thừa nhận ký tên vào biên nhận nợ ngày 10-7-2023 với số tiền 177.000.000 đồng nhưng bà cho rằng có ký biên nhận nợ và lặn tay vào biên nhận 115.000.000 đồng do bị bà L ép ký.

Lời khai của bà H và bà L thống nhất ở chỗ bà H có ký tên và lặn tay vào 01 biên nhận nợ tại quán nước ở ấp Ô, xã H, huyện T. Tuy nhiên bà H cho bà rằng bị ép buộc ký chứ không nhận tiền và số tiền bà ký nhận là 115.000.000 đồng. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh tồn tại biên nhận số tiền 115.000.000 đồng và cũng không chứng minh được mình bị ép ký tên vào biên nhận. Trong khi tại biên bản đối chất ngày 04-12-2023 bà và bà L đều khẳng định tại quán nước chỉ có 02 bà, không có ai khác biết việc ký và viết biên nhận. Đánh giá lời khai, bà H và bà L đều là phụ nữ như nhau cùng hẹn nhau ra quán nước thì bà L không có cách nào ép bà H ký và lặn tay mà không ồn ào, không ai biết. Do đó việc bà H cho rằng bà bị ép buộc ký và lặn tay là hoàn toàn không có căn cứ. Riêng bà L cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 10-7-2023 với số tiền 177.000.000 đồng có chữ ký và ghi “người nợ” ký tên “H- Trương Sỡn H”, biên nhận này phù hợp với tình tiết khách quan là bà H có ký biên nhận tại quán nước. Đồng thời qua kết luận giám định số 267/KL-KTHS ngày 14-6-2024 của Phòng K công an tỉnh T kết luận “chữ ký và chữ viết mang tên Trương Sỡn H trên tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết Trương Sỡn H trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra”. Như vậy việc bà H có nợ và có ký tên vào biên nhận nợ của bà L là có thật.

Tuy nhiên số tiền vay các bên chưa thống nhất là 15.000.000 đồng như lời bà H trình bày hay 177.000.000 đồng như bà L trình bày. Bà H cho rằng bà vay của bà L 02 lần là 15.000.000 đồng và có ký biên nhận cho bà L nhưng bà hoàn toàn không nói rõ được thời gian, địa điểm và lý do vay của mỗi lần, cũng không có người làm chứng hay chứng cứ gì để chứng minh (dù đã được Tòa án cho thời gian và yêu cầu cung cấp chứng cứ về các vấn đề bà trình bày). Bà L cho rằng có cho bà H vay 177.000.000 đồng, bà L cung cấp được biên nhận nợ ngày 10-7-2023 với số tiền 177.000.000 đồng có chữ ký và ghi “người nợ” ký tên “H-Trương Sỡn H” nên lời trình bày của bà L là có căn cứ.

Từ những tài liệu chứng cứ và lời khai trên đủ cơ sở khẳng định việc bà L cho bà H vay tiền theo biên nhận trên là có thật. Bà H là người thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhân danh cá nhân xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Do bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà L số tiền vay vốn gốc theo biên nhận trên với số tiền 177.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về lãi: Bà L yêu cầu tính lãi từ ngày 10-7-2023 đến ngày xét xử với lãi suất 0,3%/ tháng theo thỏa thuận trong biên nhận của hai bên. Bà H không đồng ý cho rằng có đóng lãi cho bà L nhiều lần với lãi suất 5%/ ngày (tức 10.000.000 đồng mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng) nhưng bà cũng không trình bày được đã đóng cho bà L bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền, tại đâu. Bà cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho bà L.

Bà L không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà H, bà L cho rằng lãi suất đã ghi rõ trong biên nhận là 0,3%/ tháng nên bà yêu cầu tính lãi theo lãi suất thỏa thuận từ ngày 10-7-2023. Yêu cầu này là phù hợp với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận. Lãi được tính 12 tháng 27 ngày như sau: 177.000.000 đồng x 12 tháng 27 ngày x 0,3%/ tháng = 6.849.900 đồng.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L; Buộc bà Trương Sỡn H trả cho bà Ngô Thị L số tiền vay vốn gốc còn nợ là 177.000.000 đồng và 6.849.900 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi 183.849.900 đồng.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Trương Sỡn H phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Ngô Thị L được Tòa án chấp nhận và lệ phí giám định chữ ký theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

Buộc bà Trương Sỡn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị L số tiền vốn gốc 177.000.000 đồng và 6.849.900 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi 183.849.900 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trương Sỡn H chịu 9.192.495 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L 4.464.825 tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017173 ngày 06-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trương Sỡn H hoàn trả cho bà Ngô Thị L 4.432.000 đồng chi phí giám định chữ ký theo quy định của pháp luật.

Bà Ngô Thị L không phải chịu chi phí tố tụng Hoàn trả cho bà L 568.000 tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa mà bà đã nộp theo phiếu thu ngày 28-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện TC.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền**